

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỰC NINH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2022/HSST.
Ngày 11 tháng 8 năm 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chuyết
2. Ông Nguyễn Văn Thành

Thư ký phiên tòa: Ông Đào Đức Tài - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Quỳnh Phụng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại phòng xét xử tầng 2 trụ sở Chi cục thuế khu vực Nam Ninh, Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 52/2022/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 52/2022/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2022, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị G, sinh năm 1971 tại Nam Định; Nơi ĐKKHKT: Xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Trú tại: Xóm Đ, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1953; Con bà H Thị N, sinh năm 1952; Gia đình có 7 anh em, bị cáo là thứ 2; Chồng Nguyễn Văn D, sinh năm 1971; Có 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 1995; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/4/2022 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định (có mặt).

Bị hại: Ông Phạm Văn T, sinh năm 1961; Trú tại: Số 515 đường N, phường T, quận T, thành phố Hà Nội (vắng mặt).

Những người làm chứng: Bà Trần Thị N, sinh năm 1962; Anh Phạm Thanh T1, sinh năm 1993; Anh Nguyễn Đức C, sinh năm 1994; Anh Phạm Thế M, sinh

năm 1998; Anh Đào Văn D, sinh năm 1996; Anh Nguyễn Thành H, sinh năm 1997; Anh Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1988.

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 11/2021, ông Phạm Văn T quen biết với Nguyễn Thị G; khi quen nhau G nói dối ông T mình tên là Xuân. Giữa ông T và G đã nhiều lần gặp nhau và quan hệ tình dục với nhau. Một số lần khi quan hệ tình dục với nhau, G sử dụng điện thoại của mình chụp ảnh, quay video hình ảnh ông T không mặc quần áo lưu trong điện thoại của G. Trong thời gian quen nhau, G nói hoàn cảnh G khó khăn, cần tiền lo công việc nên ông T đã 03 lần cho G vay tiền với tổng số tiền là 180.000.000 đồng. Khi chuyển tiền cho G, ông T biết tên chủ tài khoản người nhận là Nguyễn Thị G nên ông có hỏi G thì G nói dối ông T tên thường gọi của mình là Nguyễn Thị Xuân. Khoảng đầu tháng 4/2022, G tiếp tục hỏi vay ông T 150.000.000 đồng. Ngày 16/4/2022, ông T và G hẹn gặp nhau, thuê phòng nghỉ ở nhà nghỉ Tuấn Vũ thuộc thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định và có quan hệ tình dục với nhau. G tiếp tục sử dụng điện thoại di động của mình quay lại cảnh hai người đang quan hệ tình dục, chụp ảnh ông T không mặc quần áo nằm trên giường. Sáng ngày 17/4/2022, ông T yêu cầu G viết giấy biên nhận vay số tiền 150.000.000 đồng thì ông mới đồng ý cho vay. G đồng ý viết giấy biên nhận nhưng ông T thấy G viết tên trong giấy biên nhận là Nguyễn Thị Xuân, địa chỉ ở đội 2, xã Trục Đại, huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định. Ông T đã nghi ngờ G lừa mình nên ông T cầm giấy biên nhận rồi bỏ về và không cho G vay tiền. Do bức tức về việc ông T không cho G vay tiền, G nảy sinh ý định sử dụng hình ảnh, video quay lại cảnh G và ông T quan hệ tình dục với nhau trước đó để nhấn tin, gọi điện đe dọa ông T nếu không đưa cho G 150.000.000 đồng thì G sẽ gửi các hình ảnh, video trên cho vợ, con ông T. Khoảng 14 giờ ngày 17/4/2022, G nhấn tin, gọi điện cho ông T thông báo nội dung trên và yêu cầu ông T phải đưa cho G 150.000.000 đồng nếu không G sẽ gửi hình ảnh, video cho vợ, con ông T. Do chưa có tiền nên ông T đề nghị G cho thời gian vài ngày để sắp xếp nhưng G không đồng ý. Khoảng 16 giờ cùng ngày, G nhấn tin nói chuyện với vợ, con trai ông T là bà Trần Thị N và anh Phạm Thanh T1 yêu cầu họ kết bạn Zalo với G. Sau đó G đã nhấn tin nói chuyện với vợ và con trai ông T nói ông T nợ G 150.000.000 đồng yêu cầu họ nói ông T liên hệ ngay với G để giải quyết. Ông T tiếp tục đề nghị G cho thời gian vài ngày để đi vay mượn tiền đưa cho G nhưng G không đồng ý và yêu cầu ông T phải chuyển tiền qua tài khoản ngân hàng luôn cho G. Do không thấy ông T chuyển tiền cho G, ngày 19/4/2022 và

21/4/2022 G đã gửi hình ảnh, video quay lại cảnh G và ông T quan hệ tình dục với nhau cho bà N và anh T1. Đồng thời từ ngày 17/4/2022 đến ngày 24/4/2022, G liên tục nhắn tin, gọi điện cho ông T đe dọa nếu không chuyển tiền thì G sẽ tiếp tục gửi video, hình ảnh cho vợ con, người thân, bạn bè, đồng nghiệp trong công ty của ông T. Lo sợ nếu không đưa tiền thì G sẽ tiếp tục gửi video, hình ảnh cho người thân, bạn bè, đồng nghiệp trong công ty làm ảnh hưởng đến danh dự, uy tín nên ngày 25/4/2022 ông T đã hẹn gặp G ở quán nước “Cối Xay Gió” ở xóm M, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định để giao cho G số tiền 150.000.000 đồng. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 25/4/2022, G nói với con trai là Nguyễn Đức C nội dung có người cho mẹ vay tiền, mẹ đã viết giấy vay tiền nhưng họ chưa đưa tiền nhờ C gọi thêm một vài người bạn đến quán nước mục đích đi cùng để bảo vệ cho G, C đồng ý. C gọi cho Phạm Thế M và M đã gọi Đào Văn D và Nguyễn Thành H để cùng đi. Sau đó C, M, D, H đến quán nước “Cối Xay Gió” thấy ông T chỉ đi một mình nên báo cho G biết đến quán nước. G vào quán nước ngồi nói chuyện với ông T, còn C, M, H, D ngồi uống nước ở bàn bên cạnh. G gặp ông T, G yêu cầu ông T phải đưa tiền cho G thì G mới đưa điện thoại của mình cho ông T xóa hết ảnh, video trong điện thoại. Ông T đồng ý đưa cho G 150.000.000 đồng và G đưa điện thoại cho ông T. Khi G đang đếm tiền ông T đưa cho thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ: Thu giữ của Nguyễn Thị G số tiền 150.000.000 đồng do ông T vừa đưa cho G và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J4 vỏ màu mận chín đã qua sử dụng. Thu giữ của ông Phạm Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu xanh dương đã qua sử dụng.

Quá trình điều tra:

- CQĐT đã trả lại cho ông Phạm Văn T 150.000.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu xanh dương, đây là tài sản cá nhân của ông T.

- Đối với Giấy biên nhận vay tiền do G viết vào sáng ngày 17/4/2022 trong đó G ghi tên là Nguyễn Thị Xuân ở đội 2, xã Trục Đại, huyện Trục Ninh. Ông T đã tiêu hủy giấy biên nhận này nên CQĐT không thu giữ được.

- CQĐT xác định hành vi của Nguyễn Thị G dùng điện thoại di động cá nhân chụp ảnh, quay lại cảnh G và ông T quan hệ tình dục với nhau sau đó gửi cho vợ và con trai ông T nhằm mục đích đe dọa ông T phải đưa tiền cho G. Tuy nhiên video ngắn có dung lượng thấp, số lượng hình ảnh ít và không nhằm mục đích phổ biến nên không cấu thành tội “Truyền bá văn hóa phẩm đồi trụy” quy định tại Điều 326 BLHS và tội “Làm nhục người khác” quy định tại Điều 155 BLHS.

- Đối với số tiền 180.000.000 đồng ông T đã cho G vay từ trước, ông T và G thỏa thuận tự giải quyết với nhau về số tiền này.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại số tiền 150.000.000 đồng, ông T không yêu cầu G bồi thường thêm về dân sự.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Thị G đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nhận xét trên.

Tại bản cáo trạng số: 51/CT-VKS-TN ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị G về tội: “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 170 BLHS.

Tại phiên tòa:

- Bị cáo G đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nhận xét nêu trên. Việc G ghi lại hình ảnh quan hệ với ông T là để làm kỷ niệm, do bức tức về việc G đã viết giấy vay tiền nhưng ông T lại không cho vay lên G mới dùng hình ảnh đã ghi được đe dọa ông T để ông T phải cho G vay tiền. Đến nay G rất ân hận về hành vi của mình đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo tội danh và điều luật như bản Cáo trạng đã công bố và đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị G phạm tội: “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS: Đề nghị xử phạt Nguyễn Thị G mức án tù 05 (không năm) 06 (không sáu) tháng tù đến 06 (không sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phạm Văn T đã nhận lại 150 triệu đồng là số tiền bị G cưỡng đoạt, ông T không yêu cầu G bồi thường thêm nên không xem xét. Đối với số tiền 180.000.000 đồng ông T cho G vay từ trước, ông T và G thỏa thuận tự giải quyết với nhau nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS, tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy J4 vỏ màu mận chín đã qua sử dụng.

Về án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trục Ninh, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến

hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa đều phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản thu giữ vật chứng; Biên bản kiểm tra dữ liệu điện thoại của bị cáo; Biên bản ghi lời khai của nhân chứng, cùng các chứng cứ, tài liệu khác trong hồ sơ vụ án, xét thấy đã có đủ cơ sở kết luận:

Giữa Nguyễn Thị G và ông Phạm Văn T có quan hệ tình cảm với nhau. Trong những lần quan hệ tình dục với nhau G đã dùng điện thoại của mình ghi lại hình ảnh G và ông T quan hệ tình dục với nhau. Do G hỏi vay ông T 150 triệu đồng nhưng ông T không cho vay lên G đã sử dụng video, hình ảnh mình quan hệ tình dục với ông Phạm Văn T để đe dọa, uy hiếp ông T. G đã gửi các hình ảnh đó cho vợ và con ông T để đe dọa, uy hiếp buộc ông T phải đưa cho G số tiền 150.000.000 đồng nếu ông T không đưa, G sẽ tiếp tục gửi hình ảnh, video đó cho người thân, bạn bè đồng nghiệp trong công ty ông T. Do lo sợ bị ảnh hưởng đến gia đình, cơ quan, ngày 25/4/2022 ông T đã buộc phải giao cho G số tiền 150.000.000 đồng tại quán nước “Cối xay gió” thuộc địa phận xóm Q, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. tại quán nước “Cối xay gió” khi G đang nhận tiền của ông T thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang vào hồi 16 giờ ngày 25/4/2022. Hành vi của bị cáo G đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cưỡng đoạt tài sản” được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 BLHS như cáo trạng VKSND huyện Trực Ninh đã truy tố đối với bị cáo.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết nào.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

[5] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo; HĐXX xét thấy: Bị cáo Nguyễn Thị G có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện tội phạm. Về hình phạt xét thấy cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đảm bảo việc cải tạo, giáo dục bị cáo. Tuy nhiên trong quá trình điều tra cũng như tại Phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu, tài sản chiếm đã được thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại cũng có một phần lỗi, xét thấy cũng nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo, để bị cáo sớm trở về hòa nhập với gia đình, xã hội phấn đấu trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Phạm Văn T đã nhận lại 150 triệu đồng là số tiền bị G cưỡng đoạt, ông T không yêu cầu G bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[7] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo làm nghề tự do, thu nhập không ổn định vì vậy HĐXX xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Đối với Nguyễn Đức C, Phạm Thế M, Đào Văn D, Nguyễn Thành H đến quán nước “Cối xay gió” mục đích là để bảo vệ cho G. C, M, D, H không bàn bạc từ trước, không biết việc G sử dụng hình ảnh, video đe dọa ông T phải đưa tiền cho G. Khi có mặt tại quán nước C, M, H, D chỉ ngồi uống nước tại bàn bên cạnh, không có hành vi đe dọa hoặc có hành vi khác xâm phạm đến ông T. Do đó, C, M, H, D không phạm tội.

[9] Đối với anh Đinh Tuấn A là chủ nhà nghỉ Tuấn Vũ thuộc thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định không biết việc G dùng điện thoại di động của mình quay lại cảnh G và ông T quan hệ tình dục với nhau tại nhà nghỉ của mình và sử dụng để đe dọa ông T phải đưa tiền nên không phạm tội.

[10] Đối với số tiền 180.000.000 đồng ông T cho G vay từ trước, ông T và G thỏa thuận tự giải quyết với nhau về số tiền này nên không xem xét.

[11] Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J4 vỏ màu mận chín đã qua sử dụng thu giữ của G.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị G** phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 BLHS: Xử phạt Nguyễn Thị G 36 (ba sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 25-4-2022).

2. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Thị G.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là ông Phạm Văn T đã nhận lại 150 triệu đồng là số tiền bị G cưỡng đoạt, ông T không yêu cầu G bồi thường thêm nên không xem xét.

4. Vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy J4 vỏ màu mận chín (vật chứng có đặc điểm như tại Biên bản giao nhận vật chứng số: 47/THA ngày 11 tháng 7 năm 2022 giữa CQCSĐT Công

an huyện Trục Ninh với của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định).

5. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị G phải nộp 200.000 đồng.

6. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị G có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại, ông Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì Bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Công an huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND nơi bị cáo cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng